

Số: /UBND-KT

Minh Đức, ngày tháng năm 2024

V/v tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý sử dụng đất sai mục đích, khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép trên địa bàn xã.

Kính gửi:

- UBMTTQVN và các hội, đoàn thể chính trị xã;
- Công an xã;
- Ban Chỉ huy quân sự xã;
- Trạm truyền thanh xã;
- Chi bộ, Ban Quản lý các ấp, sóc.

Thực hiện Công văn số 1680/UBND-KT ngày 26/6/2024 về việc kiểm tra, xác minh xử lý nghiêm việc khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép trên địa bàn theo thông tin phản ánh;

UBND xã Minh Đức đề nghị các đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. UBMTTQVN, các đoàn thể xã; Chi bộ, Ban quản lý các ấp:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đất đai, khoáng sản; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác; vận động nhân dân sử dụng đất đúng mục đích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp, không tiếp tay cho các đối tượng khai thác khoáng sản trái phép và không khai thác, mua bán, tàng trữ vận chuyển khoáng sản trái phép; trong đó chủ yếu là khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường như: đất san lấp mặt bằng, sét gạch ngói, cát...

- Nhân dân không được tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, khi có nhu cầu cần đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật; chỉ được san lấp mặt bằng để san lấp từ chỗ cao san chỗ thấp với mục đích xây dựng các công trình nhà ở của hộ gia đình; cải tạo mặt bằng đất để thuận tiện cho canh tác trồng trọt. Cá nhân nhưng chỉ thực hiện trong phạm vi diện tích thửa đất đó, không vận chuyển đi nơi khác, bán... trước khi thực hiện phải trình báo UBND xã thông qua Bộ phận một cửa xã.

- Nâng cao tinh thần tố giác, khi phát hiện có tình trạng khai thác khoáng sản báo ngay về UBND xã thông qua đường dây nóng của các ông (bà) sau: **khí phát hiện có tình trạng khai thác khoáng sản báo ngay về UBND xã thông qua đường dây nóng của các ông (bà) sau: ông Ngô Tuấn Long – CT. UBND xã, số điện thoại: 0988 922 186; ông Hoàng Văn Toán – PCT. UBND xã, số điện thoại: 0984 857 157; ông: Bùi Long An – trưởng Công an xã, số điện thoại:**

0918 550 502, ông Võ Hoàng Vũ – Phó Trưởng Công an xã, số điện thoại: 0326 512345 hoặc ông Trương Đắc Tạo – CC. ĐC đất đai xã, số điện thoại: 0901608609 để kịp thời xác minh, xử lý theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Công chức địa chính phối hợp Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã: Tăng cường kiểm tra địa bàn, giám sát, theo dõi, nắm bắt tình hình đối với tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm và xử lý nghiêm theo quy định pháp luật về đất đai và khoáng sản.

3. Trạm truyền thanh xã: Thường xuyên tuyên truyền các nội dung nêu trên trên hệ thống loa truyền thanh của xã.

Trên đây là công văn về tuyên truyền việc chấp hành quy định pháp luật liên quan đến đất đai, khoáng sản trên địa bàn xã Minh Đức, đề nghị các ngành có liên quan phối hợp thực hiện./.

Có phụ lục kèm theo.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Phòng TN&MT huyện;
- TT.Đảng ủy xã (b/c);
- CT, PCT UBND xã;
- Như Kính gửi;
- Thành phần Tổ Kiểm tra;
- CC.ĐC-XD xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Ngô Tuấn Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 1 :

Trích yếu Khoản 1, Điều 47 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Nghị định 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý	Xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Ghi chú
1	Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	Khoản 1, Điều 47 của Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản	<p>a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm đến dưới 10 m³;</p> <p>b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 10 m³ đến dưới 20 m³;</p> <p>c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 20 m³ đến dưới 30 m³;</p> <p>d) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác từ 30 m³ đến dưới 40 m³;</p> <p>đ) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 40 m³ đến dưới 50 m³;</p> <p>e) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm từ 50 m³ trở lên.</p>	Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy; tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1... Điều này	<p>a) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn;</p> <p>b) Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, Điều này.</p> <p>c) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là khoáng sản có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này trong trường hợp đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.</p>	

Ngoài ra: Đối với hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép khai thác khoáng sản tại khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì áp dụng mức phạt tiền cao nhất của khung phạt tương ứng với từng mức phạt quy định tại khoản 1, Điều này. Hình thức xử phạt bổ sung áp dụng như Điều này.

PHỤ LỤC 2

Trích yếu một số nội dung của Nghị Định 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý	Xử phạt chính	Hình phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Ghi chú
1	Chuyển đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Khoản 1, điều 9, Nghị định 91/NĐ-CP	<p>a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,5 héc ta;</p> <p>b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;</p> <p>c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta;</p> <p>d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên.</p>		<p>a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>b) Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất và các trường hợp người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng đất cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ;</p> <p>c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trong các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này; số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.</p>	
2	Chuyển đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản, đất làm	Khoản 2, điều 9, Nghị định 91/NĐ-CP	<p>a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,1 héc ta;</p> <p>b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;</p> <p>c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;</p>		<p>a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>b) Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện</p>	

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý	Xử phạt chính	Hình phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Ghi chú
	muối		<p>d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên.</p>		được công nhận quyền sử dụng đất và các trường hợp người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ;	
3	Chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn	Khoản 3, điều 9, Nghị định 91/NĐ-CP	<p>a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,01 héc ta;</p> <p>b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,01 héc ta đến dưới 0,02 héc ta;</p> <p>c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,02 héc ta đến dưới 0,05 héc ta;</p> <p>d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;</p> <p>e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;</p>		<p>a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>b) Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất và các trường hợp người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ;</p> <p>c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trong các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này; số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định</p>	

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý	Xử phạt chính	Hình phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Ghi chú
			g) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta; h) Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên.		tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.	
4	Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản nước mặn, đất làm muối, đất nuôi trồng thủy sản dưới hình thức ao, hồ, đầm	Khoản 1, điều 11, Nghị định 91/NĐ-CP	a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,5 héc ta; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta; c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta; d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên.		a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; b) Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất và các trường hợp người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ; c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm trong các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này; số lợi bất hợp pháp được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này.	
5	Chuyển đất trồng cây hàng năm	Khoản 2, điều 11, Nghị định	a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép dưới 0,02 héc ta b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,02 héc ta đến dưới 0,05 héc ta;		a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này, trừ trường	

STT	Nội dung	Căn cứ pháp lý	Xử phạt chính	Hình phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục hậu quả	Ghi chú
	khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông	91/NĐ-CP	<p>c) Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;</p> <p>d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;</p> <p>e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 01 héc ta đến dưới 03 héc ta;</p> <p>g) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nếu diện tích đất chuyển mục đích trái phép từ 03 héc ta trở lên;</p>		<p>hợp quy định tại điểm b khoản này;</p> <p>b) Buộc đăng ký đất đai theo quy định đối với trường hợp có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất và các trường hợp người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ;</p>	
6	Hủy hoại đất với Trường hợp làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất	Khoản 1, điều 15, Nghị định 91/NĐ-CP	<p>a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích đất bị hủy hoại dưới 0,05 héc ta;</p> <p>b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích đất bị hủy hoại từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta;</p> <p>c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu diện tích đất bị hủy hoại từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;</p> <p>d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu diện tích đất bị hủy hoại từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;</p> <p>đ) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu diện tích đất bị hủy hoại từ 01 héc ta trở lên;</p>		<p>Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Trường hợp người có hành vi vi phạm không chấp hành thì Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 64 của Luật đất đai.</p>	